

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Tiểu Bang Washington, Quận _____

In re parenting and support of:
Về việc nuôi dạy con và cấp dưỡng:

Children:
Con cái:

Petitioner (person who started this case):
Nguyên Đơn (người đã bắt đầu vụ kiện này):

And Respondent (other parent):
Và Bị Đơn (phụ huynh khác):

No. _____
Số _____

Response to Petition for a Parenting Plan,
Residential Schedule and/or Child Support
(RSP)

Phúc Đáp Đơn Xin Kế Hoạch Nuôi Dạy Con,
Lịch Biểu Sống Tại Nhà và/hoặc Cấp Dưỡng
Con Cái
(RSP)

Revocation of Joinder (RSPRV)
Hủy bỏ Sự tham gia (RSPRV)

**Response to Petition for a Parenting Plan, Residential
Schedule and/or Child Support**
**Phúc Đáp Đơn Xin Kế Hoạch Nuôi Dạy Con, Lịch Biểu Sống
Tại Nhà và/hoặc Cấp Dưỡng Con Cái**

1. Your response

Bản trả lời của quý vị

Revocation of Joinder: I previously signed an *Agreement to Join Petition* (Joinder) in this case and I am **no** longer in agreement so I am filing this *Response*. (Check *Revocation of Joinder* box above.)

Hủy bỏ Sự tham gia: Trước đây tôi đã ký Thỏa thuận Tham gia Đơn xin (Sự tham gia) trong vụ kiện này và tôi không còn đồng ý nữa nên tôi gửi bản Trả lời này. (Đánh dấu vào ô Hủy bỏ Sự tham gia trên đây.)

Look at each section of the *Petition*. Check below to say if you agree or disagree with what the other party said in each section, or say if you don't know because you don't have enough information. (If you disagree with any part of a section, check "I disagree.") List your reasons for disagreeing on page 2.

Hãy nhìn vào từng phần của Đơn Xin. Đánh dấu dưới đây để nói rằng quý vị đồng ý hay không đồng ý với bên khác đã nói trong từng phần, hoặc nói nếu quý vị không biết bởi vì quý vị không có đủ thông tin. (Nếu quý vị không đồng ý với bất cứ phần nào của một đoạn nào của một phần, xin đánh dấu “Tôi không đồng ý.”) Liệt kê các lý do không đồng ý của quý vị trên trang 2.

Section in the Petition Phần trong Đơn Xin	Your response (check one) Phúc Đáp Của Quý Vị (đánh dấu chọn một)		
1. <i>My name is...</i> <i>Tên tôi là...</i>	<i>(no response needed)</i> <i>(không cần phúc đáp)</i>		
2. <i>Children</i> <i>Con cái</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi đồng ý
3. <i>Whether parentage was established by court order</i> <i>Cho dù phụ hệ được thiết lập bởi án lệnh tòa</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
4. <i>Whether parentage was established by Acknowledgment of Parentage</i> <i>Cho dù phụ hệ được thiết lập bởi Giấy Khai Hữu Thệ Xác Nhận Phụ Hệ</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
5. <i>Whether an Acknowledgment of Parentage was filed in Washington state</i> <i>Cho dù một Giấy Khai Hữu Thệ Xác Nhận Phụ Hệ đã được nộp ở tiểu bang Washington</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
6. <i>Jurisdiction over parents</i> <i>Thẩm quyền đối với phụ huynh</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
7. <i>Children's Home/s</i> <i>(Các) Nhà Của Những Đứa Trẻ</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
8. <i>Other people with a legal right to spend time with the children</i> <i>Người khác có quyền hợp pháp để dành thời gian cho những đứa trẻ</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
9. <i>Other court cases involving the children</i> <i>Các vụ kiện ở tòa khác liên quan đến những đứa trẻ</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
10. <i>Jurisdiction over children</i> <i>Thẩm quyền đối với những đứa trẻ</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết

Section in the Petition Phần trong Đơn Xin	Your response (check one) Phúc Đáp Của Quý Vị (đánh dấu chọn một)		
11. <i>Parenting Plan or Residential Schedule</i> <i>Kế Hoạch Nuôi Dạy Con hoặc Lịch Biểu Sống Tại Nhà</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
12. <i>Child Support</i> <i>Cấp Dưỡng Con Cái</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
13. <i>Protection Order</i> <i>Án Lệnh Bảo Vệ</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
14. <i>Restraining Order</i> <i>Án Lệnh Ngăn Cấm</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
15. <i>Fees and Costs</i> <i>Lệ Phí và Chi Phí</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
16. <i>Other orders</i> <i>Các án lệnh khác</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết

If you checked "I disagree" for any of the above sections, list your reasons here:

Nếu quý vị đánh dấu "Tôi không đồng ý" đối với bất kỳ phần nào trên đây, xin liệt kê các lý do của quý vị ở đây:

Section #: Reasons:

Phần #: _____ Lý do: _____

Section #: Reasons:

Phần #: _____ Lý do: _____

Section #: Reasons:

Phần #: _____ Lý do: _____

Section #: Reasons:

Phần #: _____ Lý do: _____

Section #: Reasons:

Phần #: _____ Lý do: _____

Section #: Reasons:

Phần #: _____ Lý do: _____

Section #: Reasons:

Phần #: _____ Lý do: _____

Section #: Reasons:

Phần #: _____ Lý do: _____

(If you need more space, you may add more pages to this Response. Number, date, and sign each page that you add.)

(Nếu quý vị cần nhiều không gian hơn, thì quý vị có thể thêm nhiều trang hơn vào Phần Trả Lời này. Số, ngày tháng, và ký mỗi trang mà quý vị thêm.)

2. Protection Order Án Lệnh Bảo Vệ

Do you want the court to issue a Protection Order as part of the final orders in this case? Quý vị có muốn tòa ban một Án Lệnh Bảo Vệ như một phần liên quan đến các án lệnh chính thức trong vụ kiện này không?

No. I do not want a Protection Order

Không Tôi không muốn một Án Lệnh Bảo Vệ

Yes. *(You must file a Petition for Protection Order, form P 001. You may file your Petition for Protection Order using the same case number assigned to this case.)*

Có *(Quý vị phải nộp một Đơn Xin Án Lệnh Bảo Vệ, mẫu P 001. Quý vị có thể nộp Đơn Xin Án Lệnh Bảo Vệ sử dụng cùng số vụ kiện được giao cho vụ kiện này.)*

Important! *If you need protection now, ask the court clerk about getting a Temporary Protection Order.*

Thông Tin Quan Trọng! *Nếu quý vị cần bảo vệ ngay bây giờ, hãy đề nghị lục sự tòa về việc nhận một Án Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời.*

There already is a Protection Order between the other parent and me. *(Describe below. Attach a copy if you have one.):*

Đã có một Án Lệnh Bảo Vệ giữa phụ huynh khác và tôi. *(Miêu tả bên dưới. Đính kèm một bản sao nếu quý vị có một cái.):*

Court that issued the order: _____

Tòa án mà ban hành án lệnh: _____

Case number: _____

Số Vụ Kiện: _____

Expiration date: _____

Ngày hết hạn:

3. Restraining Order Án Lệnh Ngăn Cấm

*Do you want the court to issue a Restraining Order as part of the final orders in this case?
Quý vị có muốn tòa ban một Án Lệnh Ngăn Cấm như một phần liên quan đến các án lệnh chính thức trong vụ kiện này không?*

No. (Skip to 4.)

Không. (Bỏ qua đến 4.)

Yes. Check the type of orders you want:

Có. Đánh dấu loại án lệnh quý vị muốn:

Do not disturb – Order the Petitioner not to disturb my peace or the peace of any child listed in the *Petition*.

Không làm phiền – Lệnh cho Nguyên Đơn không làm phiền sự yên bình của tôi hoặc sự yên bình của bất kỳ đứa trẻ nào được liệt kê trong *Đơn Xin*.

Stay away – Order the Petitioner not to go onto the grounds of or enter my home, workplace, vehicle, or school, and the daycare or school of any child listed in the *Petition*.

Tránh xa – Lệnh cho Nguyên Đơn không được lảng vảng gần hoặc đi vào nhà, nơi làm việc, xe cộ hoặc trường học của tôi, và nơi giữ trẻ ban ngày hoặc trường học của bất kỳ đứa trẻ nào được liệt kê trong *Đơn Xin*.

Also, not knowingly to go or stay within _____ feet of my home, workplace, vehicle, or school, or the daycare or school of any child listed in the *Petition*.

Ngoài ra, không được cố ý đi hoặc ở trong vòng _____ feet từ nhà, nơi làm việc, xe cộ, hoặc trường học của tôi, và nơi giữ trẻ ban ngày hoặc bất cứ trường học nào của bất kỳ đứa trẻ nào được liệt kê trong *Đơn Xin*.

Do not hurt or threaten – Order the Petitioner:

Không hăm hại hoặc hăm dọa – Lệnh cho Nguyên Đơn:

- Not to assault, harass, stalk or molest me or any child listed in the *Petition*; and Không được hành hung, quấy rối, săn đuổi, hoặc xâm hại tôi hay bất kỳ đứa trẻ nào được liệt kê trong *Đơn Xin*; và
- Not to use, try to use, or threaten to use physical force against me or the children that would reasonably be expected to cause bodily injury.
Không được sử dụng, cố gắng sử dụng, hoặc hăm dọa để sử dụng vũ lực chống lại tôi hoặc các trẻ em được dự kiến một cách hợp lý là sẽ gây thương tích cơ thể.

Warning! If the court makes this order, the court must consider if weapons restrictions are required by state law; federal law may also prohibit the Restrained Person from possessing firearms or ammunition.

Cảnh báo! Nếu tòa ra án lệnh này, thì tòa phải cân nhắc liệu xem những ngăn cấm vũ khí do luật tiểu bang yêu cầu; luật liên bang cũng có thể cấm chỉ Người Bị Ngăn Cấm không được sở hữu súng ống hoặc đạn dược.

Prohibit weapons and order surrender – Order the Petitioner:

Cấm chỉ mang vũ khí và lệnh giao nộp – Lệnh cho Nguyên Đơn:

- Not to access, possess, have in their custody and control, or obtain any firearms, other dangerous weapons, or concealed pistol licenses until the Order ends; and
Không được mang, sở hữu, quản lý và kiểm soát, hoặc nhận lấy bất kỳ súng tay nào, các vũ khí nguy hiểm khác, hoặc giấy phép mang súng lục giấu kín cho đến khi Án Lệnh kết thúc, và
- To immediately surrender any firearms, other dangerous weapons, and any concealed pistol licenses that they have in their custody, control, or possession to (*check one*): the police chief or sheriff. their lawyer other person (*name*): _____
Giao nộp ngay lập tức bất kỳ súng ống, các vũ khí nguy hiểm khác nào, và bất kỳ giấy phép mang súng lục giấu kín nào mà họ đang quản lý, kiểm soát hoặc sở hữu để (*đánh dấu chọn một*): trưởng phòng cảnh sát hoặc cảnh sát trưởng. luật sư của họ người khác (*tên*): _____.

Other orders:

Các án lệnh khác: _____

Important! If you want a restraining order **now**, you must file a Motion for Temporary Family Law Order and Restraining Order (FL Parentage 323) or a Motion for Immediate Restraining Order (Ex Parte) (FL Parentage 321).

Thông Tin Quan Trọng! Nếu quý vị muốn một án lệnh ngăn cấm **ngay bây giờ**, quý vị phải nộp một *Thỉnh Nguyên Thư Án Lệnh Luật Gia Đình Tạm Thời và Án Lệnh Ngăn Cấm (FL Phụ Hệ 323)* hoặc một *Thỉnh Nguyên Thư Án Lệnh Ngăn Cấm Ngay Lập Tức (Từ Một Phía) (Án Lệnh Đơn Phương) (FL Phụ Hệ 321)*.

4. Requests Các Yêu Cầu

I ask the court to (*check all that apply*):

Tôi yêu cầu tòa (*đánh dấu tất cả các ô nếu thích hợp*):

Deny the *Petition for a Parenting Plan, Residential Schedule, and/or Child Support*.

Từ Chối Đơn Xin Kế Hoạch Nuôi Dạy Con, Lịch Biểu Sống Tại Nhà và/hoặc Cấp Dưỡng Con Cái.

Approve my proposed *Parenting Plan* (form FL All Family 140) or *Residential Schedule* (form FL Parentage 304). My proposed plan or schedule (*check one*): is attached. will be filed and served at a later date.

Chấp Thuận Kế Hoạch Nuôi Dạy Con được đề xuất của tôi (mẫu đơn Tất Cả Mọi Gia Đình 140) hoặc **Lịch Biểu Sống Tại Nhà** (mẫu đơn FL Phụ Hệ 304). Chương trình hay lịch biểu được đề xuất của tôi (*đánh dấu chọn một*): được đính kèm. sẽ được nộp và tổng đạt vào một ngày sau.

Important! If a court order has already named one parent as the custodian and your proposed plan or schedule would **change** the custodian, then you must also file a *Petition to Change a Parenting Plan, Residential Schedule or Custody Order* form FL Modify 601 and related forms.

Thông Tin Quan Trọng! Nếu một án lệnh tòa đã gọi một phụ huynh là người nuôi dưỡng và chương trình hoặc lịch biểu được đề xuất của quý vị sẽ **thay đổi** người nuôi dưỡng, rồi thì quý vị cũng phải nộp một *Đơn Xin Thay Đổi Kế Hoạch Nuôi Dạy Con, Lịch Biểu Sống Tại Nhà* hoặc *Lệnh Giám Hộ* mẫu đơn FL Sửa Đổi 601 và các

mẫu đơn khác có liên quan.

- Order child support, including medical support, according to state law.
Lệnh cấp dưỡng con cái, bao gồm cấp dưỡng về y tế, theo luật của tiểu bang.
- Order the Petitioner to pay past child support, medical support, and other expenses for the children.
Lệnh cho Nguyên Đơn phải trả tiền cấp dưỡng con cái, cấp dưỡng về y tế, và các chi phí khác cho những đứa trẻ.
- Order payment of lawyer fees, guardian ad litem fees, court costs, and other reasonable costs.
Lệnh chi trả các khoản phí luật sư, phí luật sư đại diện quyền lợi cho quý vị, các chi phí tòa, và các chi phí hợp lý khác.
- Approve a *Protection Order* or *Restraining Order* as requested above.
Chấp thuận một *Án Lệnh Bảo Vệ* hoặc *Án Lệnh Ngăn Cấm* như được đề nghị trên đây.
- Put this *Petition* on hold until parentage is decided because I disagree with section 4 of the *Petition* and want to challenge the *Acknowledgment of Parentage*.
Tạm hoãn *Đơn Xin* này cho đến khi phụ hệ được quyết định bởi vì tôi không đồng ý với phần 4 của *Đơn Xin* và muốn thử thách *Công Nhận Phụ Hệ*.

Important! If you check this box, you must file a *Petition to Decide Parentage* (form FL Parentage 301) and related forms.

Thông Tin Quan Trọng! Nếu quý vị đánh dấu vào ô này, quý vị phải nộp một *Đơn Xin Quyết Định Phụ Hệ* (mẫu đơn FL Phụ Hệ 301) và các mẫu đơn liên quan.

- Put this *Petition* on hold (*children's names*): _____
were born as a result of a sexual assault by (*name*): _____ against me.
Tạm hoãn *Đơn Xin* này (*tên của trẻ em*): đã được sinh ra do hậu quả của một vụ tấn công tình dục gây ra bởi (*tên*): chống lại tôi.

Important! You must file a *Petition to Decide Parentage form FL Parentage 301* and file and serve the *Sexual Assault Allegation (FL Parentage 365)* together with this Response.

Thông Tin Quan Trọng! Quý vị phải nộp một *Đơn Xin Quyết Định Phụ Hệ* mẫu đơn FL Phụ Hệ 301 và nộp và tổng đạt *Tố Cáo Tấn Công Tình Dục (FL Phụ Hệ 365)* cùng với *Phúc Đáp* này.

- Other (*specify*):
Khác (*ghi rõ*): _____

Respondent fills out below:

Bị Đơn điền dưới đây:

I declare under penalty of perjury under the laws of the State of Washington that the facts I have provided on this form (including any attachments) are true.

Chiếu theo qui định hình phạt về tội khai gian theo luật pháp của Tiểu Bang Washington, tôi xin cung khai rằng các sự kiện tôi cung cấp trên mẫu đơn này (bao gồm bất kỳ phần đính kèm nào) là đúng sự thực.

I have attached (*number of*): _____ pages.

Tôi đã đính kèm (*số*): _____ trang.

Signed at (*city and state*): _____ Date: _____

Đã ký tại (*thành phố và tiểu bang*): _____ Ngày: _____



Respondent signs here

Print name

Bị Đơn ký tại đây

Viết chữ in họ và tên

I agree to accept legal papers for this case at (*check one*):

Tôi đồng ý chấp nhận các giấy tờ pháp lý đối với vụ kiện này tại (*đánh dấu chọn một*):

my lawyer's address, listed below.

địa chỉ luật sư của tôi, được liệt kê dưới đây.

Email: _____

Email:

the following address (*this does not have to be your home address*):

các địa chỉ sau (*địa chỉ này không nhất thiết phải là địa chỉ nhà của quý vị*):

Street Address or PO Box

City

State

Zip

Địa chỉ Đường phố hoặc Hộp thư Bưu Điện

Thành phố

Tiểu bang

Mã zip

*If this address changes before the case ends, you **must** notify all parties and the court clerk in writing.*

Important! You must fill out and file a Confidential Information form (FL All Family 001) with the court clerk.

*Nếu địa chỉ này thay đổi trước khi vụ kiện kết thúc, quý vị **phải** thông báo cho tất cả các bên và lục sự tòa bằng văn bản.*

Thông Tin Quan Trọng! Quý vị phải điền và nộp một mẫu đơn Thông Tin Mật (FL Tất Cả Mọi Gia Đình 001) với lục sự tòa.

Lawyer (if any) fills out below:

Luật sư (nếu có) điền dưới đây:



Lawyer signs here

Print name and WSBA No.

Date

Luật sư ký tại đây

Viết chữ in họ và tên và Số WSBA

Ngày

Lawyer's Street Address or PO Box

City

State

Zip

Địa chỉ Đường phố hoặc Hộp thư Bưu Điện

Thành phố

Tiểu bang

Mã zip

Email (*if applicable*): _____

Email (*nếu áp dụng*):